TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24.6. 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 414/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Mỹ C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 71, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 04, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn H chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2008 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không phù hợp nhau về tính cách. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến nay và hai người sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông H.

***** Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 08.8.2003. Hai con đã trưởng thành.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông H tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông H không có mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà C được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Đào Thị Mỹ C và ông Nguyễn H là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân dự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông H là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà C ông H kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, bà C ông H đã phát sinh mâu thuẫn. Bà C xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà C, ông H thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết

việc bà C yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà C ông H đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc ly hôn với ông H là phù hợp.

***** Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01.01.2000 và Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 08.8.2003. Hai con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà C phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Mỹ C về việc "*Ly hôn*" đối với ông Nguyễn H.

2. **Xử:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Mỹ C được ly hôn với Nguyễn H.

* Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 2449 ngày 22.12.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Thanh Khê;*
- *Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;*
- *UBND phường K;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Cường